

TẢN MẠN TRÊN CON ĐƯỜNG

“DĨ CỔ VI KIM” TRONG VĂN HÓA

HƯƠNG NGUYỄN

Trong sự phát triển của lịch sử loài người, vào thời kỳ rất xa xưa, các cộng đồng sống ở nhiều khu vực có khi cách nhau tới hàng vạn cây số, nhưng vẫn có sự tương đồng nào đó về văn hoá. Chẳng hạn, người Việt đã tìm thấy rất nhiều lưỡi rìu đồng, rìu đá mà người ta quen gọi là lưỡi tầm sét, thì người Pháp cũng gọi là lưỡi sét. Không có nghĩa đó là kết quả của sự giao lưu văn hoá giữa hai hệ tộc này, mà, nó bắt nguồn từ một đặc trưng phổ quát khi con người có cùng những nhận thức giống nhau, cùng một cách nhìn đối với vũ trụ và thế giới nhân sinh đồng dạng, thì đôi khi cách gọi tên cũng gần như nhau, đó là sự “đồng quy văn hoá”.

Theo sự phát triển của khoa học, thì con người ngày càng có nhiều điều kiện để dễ xích lại gần nhau hơn. Khoảng cách không gian không còn là trở ngại nữa. Sự giao lưu trong thời hiện tại có điều kiện thuận lợi dẫn tới con người cần hiểu biết về nhau hơn, thì nhu cầu tìm hiểu văn hoá là một điều đặc biệt quan

trọng, bởi có hiểu biết văn hoá của nhau, con người mới biết tôn trọng lẫn nhau.

Trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay, nhu cầu về “hoà” giữa các dân tộc là một thực tế được đặt ra. Tuy nhiên, nếu như nhân loại chỉ sống với một hình thức đồng điệu thì tất yếu sẽ đi đến chỗ “diệt vong”, ít nhất về văn hoá. Thời đại ngày nay, đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực hoà nhập, nhưng nhất thiết phải trong đa dạng, và chính sự hoà nhập trong đa dạng ấy mới phản ánh được vẻ đẹp lung linh đa sắc màu của văn hoá loài người. Do đó, mỗi một quốc gia cần nhận thức sâu sắc rằng, chúng ta hoà nhập nhưng không bao giờ được hoà tan, bởi sự hoà tan dễ dẫn đến bị lệ thuộc, và sau đó, rất dễ dẫn đến bị đồng hoá. Để hoà nhập thì phải hiểu và giữ được chính mình, lúc ấy, một cộng đồng người hay một dân tộc nào đó mới không là cái đuôi của một dân tộc khác.

Sau đại chiến thế giới lần thứ II, các nhà khoa học nhận: ra rằng, sự phát triển về chỉ số trí tuệ của loài người nói chung là ngang bằng

nhau, không phân biệt màu da, chủng tộc. Sự khác nhau cơ bản giữa các dân tộc là về điều kiện kinh tế đã dẫn đến những sự phát triển cao thấp không giống nhau mà thôi. Người ta đã thí điểm, đem những đứa bé ở những vùng xa xôi hẻo lánh, cho sống chung cùng những đứa trẻ thành phố, kết quả cho thấy, khi lớn lên sự tiếp thu về mọi mặt hầu như là tương đồng. Cho nên, không có hiện tượng chủng tộc này ở đẳng cấp cao và chủng tộc kia ở đẳng cấp thấp. Vì vậy rõ ràng sự hoà nhập cũng là một động lực nhằm thúc đẩy cho sự phát triển tương đối đồng đều về các điều kiện sống và sự phát triển với mọi cư dân trên thế giới.

Đồng thời, cũng có một hiện tượng khác nữa nảy sinh sau đại chiến thế giới II, đó là, người ta nhận thấy, hình như trong vũ trụ bao la này, do một may mắn tột cùng nào đó chỉ ở trên trái đất mới có một giống loài thông minh, là loài người. Và, người ta cũng thấy nếu không có loài người, thì toàn bộ vũ trụ với sự vận động của nó sẽ trở nên vô nghĩa. Từ những nhận thức này đã nảy sinh ra một chủ nghĩa cao đẹp, có vẻ như vừa gần gũi vừa viễn tưởng, đó là "Chủ nghĩa nhân loại trung tâm". Những vụ nổ Big bang, những "hố đen" trong vũ trụ sẽ là vô nghĩa nếu không có sự xác nhận duy nhất bởi con người. Như thế, con người cần phải hiểu biết và tôn trọng nhau. Mỗi một dân tộc phải ý thức bằng được mình là ai! Nhờ vậy dân tộc đó, cộng đồng quốc gia đó mới phát triển được. Tổ tiên ta, cũng như các nhà bác học, các nhà chính trị thế giới từng chỉ rõ, bất kể kẻ nào muốn bước vào tương lai một cách vững chắc thì bắt buộc phải ngoái nhìn lại quá khứ! Có nghĩa, muốn tiến về phía trước, thì trước hết phải hiểu lịch sử của mình. Một khi đã xác nhận được lịch sử, người ta sẽ biết được những "đường đi nước bước" của dân tộc. Quá khứ đã định hình nên tâm tư tình cảm, văn hoá của người Việt, chúng ta sẽ không đối mặt với quá khứ và sẽ không tạo nên sự mâu thuẫn trong chính tâm hồn chúng ta. Và, bằng bộ đỡ của quá khứ, chúng ta sẽ tạo nên sự đoàn kết của cả dân tộc để vững bước trên con đường xây dựng tương lai.

Nhưng để vươn tới một tương lai rạng rỡ, chúng ta cần phải nhận biết được bản sắc dân tộc. Một vấn đề mà các nhà nghiên cứu đã

Hương Nguyễn: Tản mạn trên con đường đi cổ vi kim...

"vẫn đi vẫn lại" không mệt mỏi, nhưng thực sự vẫn chưa thể có một định nghĩa nào sáng rõ.

Bản sắc Việt là cái cốt lõi, cái định hình nên một dân tộc riêng biệt phi Hoa, phi Ấn. Các cụ xưa đã dạy, "phi trí bất hưng", "trí" ở đây không chỉ là cái biết mà còn là cái "hiểu". Hiểu mới là quan trọng, là cơ bản, hiểu được cốt lõi, phẩm chất của người Việt là hiểu được bản sắc. Một câu hỏi đặt ra với chúng ta là, người Việt là ai? Vấn đề này không nhằm trả lời rằng người Việt thuộc hệ tộc người nào, mà điều quan trọng là bàn đến những bước đi của lịch sử, của văn hoá đã quy định, quyết định đến bản chất con người Việt Nam. Lịch sử đã cho ta thấy rất rõ ràng rằng, bất kỳ lúc nào khi có xu hướng chuộng ngoại quá nhiều, thì đồng nghĩa với việc tạo mầm cho cuộc khủng hoảng xã hội, dễ dẫn đến hiện tượng bị xâm lược. Chính xu hướng "hướng ngoại" đã làm cạn mòn những tư tưởng bên trong, làm tan rã đoàn kết dân tộc. Ngày nay, đường lối của Đảng và Nhà nước đề cao bản sắc văn hoá dân tộc là đã "ngoái nhìn" vào lịch sử để rút ra những bài học xương máu, nhằm khơi dậy trong mỗi con người Việt Nam ý thức hướng về cội, về truyền thống, về bản chất tốt đẹp của tổ tiên. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể đưa dân tộc, đất nước này tiến lên một cách bền vững.

Một điều thiết yếu nữa là giao lưu văn hoá phải có điều kiện: Một là, chỉ tiếp thu cái gì phù hợp, cái ngoại lai không thể lấn át cái nội tại, bản sắc văn hoá cốt tử của dân tộc Việt Nam vẫn phải là chủ đạo. Lấy một ví dụ, thời Lý và một phần thời Trần, ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ là rất lớn nhưng khi vào đến nước Việt, thì nó đã được Việt hoá một cách mạnh mẽ. Người Chăm-pa cũng tiếp thu văn hoá Ấn Độ, nhưng họ là cư dân sống gần biển cả với đặc tính "ăn sóng nói gió", nên trong nghệ thuật tạo hình của họ biểu thị đặc điểm mạnh mẽ, có yếu tố hướng ngoại rõ rệt, còn của người Việt, thì tạo hình thường có xu hướng "hút" vào, như đọng lại trong tâm. Đó chính là xu hướng hướng nội! không giống như của người Chăm-pa!

Chính xu hướng hướng nội sâu sắc ấy đã ảnh hưởng đến nghệ thuật tạo hình của người Việt, sự tỷ mỉ một cách lạ lùng trong mỗi đường nét, đều như mang một thông điệp, một

ý nghĩa nào đó vượt quá khả năng hiểu biết của chúng ta hiện nay. Phải chăng tinh thần ấy chính là một phần của bản sắc văn hoá dân tộc Việt. Với di sản văn hoá vật thể - một "bộ mặt" đại diện cho quá khứ, cho tâm hồn của tổ tiên chúng ta - các di sản ấy hầu hết nằm ở nông thôn, chủ nhân của nó là nông dân. Bằng vào các di sản văn hoá ấy, chúng ta hiểu người Việt là cư dân sống rất nặng về tình làng nghĩa nước, xã hội Việt chưa có sự phân hoá cao. *Thứ hai là*, các di sản được phân bố dàn trải trên khắp đất nước, trong mọi làng xã. Hiện tượng này không có ở Trung Hoa cũng như ở các nước Đông Nam Á khác. Bằng vào số lượng, vị trí của các kiến trúc ấy đã cho chúng ta thấy có một vùng văn hoá phi Hoa phi ấn, mà chủ yếu là ở Bắc Bộ. Song, ta cũng nên nhìn nhận lại Bắc Bộ trên phương diện văn hoá là một vùng lớn kéo dài ít nhất là đến hết Hà Tĩnh. Nhờ vào các di sản vật chất này mà người ta còn biết được những ứng xử của người xưa khi đối diện trước vũ trụ, trước tự nhiên và con người như thế nào. Đó là ý thức lấy "Hoà" làm trọng. Từ nhận thức thô sơ muốn tồn tại yên ổn trước sự đe dọa của trời đất, họ cho rằng phải gắn gũi với thiên nhiên hơn để những tác hại mà thiên nhiên gây ra cho con người cũng sẽ phần nào giảm thiểu. Cho nên, kiến trúc tôn giáo thường cũng hoà vào tự nhiên và nằm ẩn dưới các lùm cây thâm nghiêm xanh mát.

Thông qua những di tích kiến trúc, người ta còn biết được người Việt là cư dân sử dụng thời gian khép kín theo mùa màng, thời gian luôn được tái sinh lặp đi lặp lại theo chu kỳ hàng năm dẫn đến một đặc tính thuộc về bản sắc văn hoá, ít nhất đối với tạo hình là sự uyển chuyển, mềm mại, nhịp nhàng, trữ tình. Mặt khác, nghệ thuật tạo hình thời trung cổ ở nước ta luôn có sự thay đổi. Sở dĩ có hiện tượng như vậy, vì: Dân tộc ta sống trên mảnh đất ở ngã ba đường của sự bành trướng, là địa đầu chặn đứng các cuộc xâm lược từ phương Bắc, đồng thời, trên cái nhìn địa kinh tế thì đây cũng là ngã ba đường của sự giao thương, giao lưu giữa phương Nam và phương Bắc. Nhưng, như thế chưa đủ!

Điều đầu đón, trở trên của lịch sử áp đặt lên dân tộc ta là ở tính thường trực của nạn bị ngoại xâm, đã dẫn đến xã hội, lịch sử của

người Việt luôn biến động và một hệ quả của sự biến động ấy là ở dân tộc này khó có được những nhà tư tưởng lớn. Trong quá khứ, khả năng tổng hợp và phân tích của người Việt không mạnh và đó chính là một điểm yếu. Nếu không biết được điều đó thì chúng ta không thể tiếp thu một cách chủ động và dễ bị ảnh hưởng không mong muốn từ văn hoá nước ngoài. Tiếp thu nhưng không lệ thuộc, đó là vấn đề của trí tuệ. Tổ tiên chúng ta đã từng nói "hoà" là quân tử, "đồng là tiểu nhân", nhưng đã là quân tử thì phải có trí tuệ, cho nên, chọn con đường đi mà không có bệ đỡ lịch sử, bệ đỡ văn hoá thì nhất định sẽ dẫn đến sai lầm, may chăng chỉ đạt được cái hình thức "màu mè" bề ngoài mà thôi. Chính vì vậy, con đường hiện đại hoá là xu hướng tất yếu để khẳng định bước tiến của xã hội. Tinh thần ấy đã được tổ tiên nhắc nhở lại: "phi trí bất hưng", nhưng các cụ cũng nói rằng "dĩ cổ vi kim", lấy cái cổ phục vụ cho cái mới, để nay mới, mai mới, mới mãi. Nếu không có cái mới con người sẽ bị đứng lại, tức là thụt lùi, dân tộc dễ bị hoà tan, dễ bị chôn vùi vào quá khứ. Vì vậy, muốn phát triển được, thì ứng xử của chúng ta đòi hỏi phải cố gắng giữ gìn bằng được những gì cơ bản mà tổ tiên ta để lại. Nói giữ bằng được có nghĩa là giữ đến mức tối đa trong điều kiện hiện nay của chúng ta. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa chúng ta giữ gìn một cách mù quáng, thô thiển, tùy tiện bóp méo không chính đáng, không đúng đắn. Chẳng hạn dựng lại một lễ hội, không phải chỉ lập lại như cũ là đủ, mà cần phải giải mã được các sự kiện gắn với nó. Phải hiểu những động tác, những biểu tượng liên quan nói lên vấn đề gì, và cái "hiểu" ấy quan trọng hơn cái "biết". Một lễ hội có thể có hàng vạn người biết, nhưng biết chỉ để biết mà thôi, như khi rước nước là phải đi thuyền ra giữa sông mức nước, chính bằng cái gáo đồng, cán gáo phải màu đỏ và phải được lọc qua cái khăn cũng màu đỏ... Nhiều khi tưởng biết đến như thế đã là quá giỏi rồi! Thực ra điều đó không có tác dụng gì cả! Một sự biết mà không hiểu sẽ dễ dẫn đến mê tín dị đoan, còn khi đã hiểu thì nhiều cái ta tưởng là mê tín nhưng thực chất, ẩn đằng sau nó lại chứa đựng một ý nghĩa mệnh mông ngang tầm trời đất. Có một thực tế là, tâm hồn của người nông dân Việt rất thực dụng, họ

chưa có ý thức đẩy thần linh lên cao, không đi sâu vào các triết lý sâu xa của các học thuyết tôn giáo, họ lấy tư tưởng "tự kỷ trung tâm" để ứng xử. Hệ quả là, nhiều khi lời cầu nguyện chỉ mang tính chất thói quen, người Việt vẫn tụng kinh Phật ở trong đền, luôn miệng niệm Nam mô A di đà Phật ở nơi mà chẳng có vị Phật nào ở đấy cả. Đó là chuyện có thể chấp nhận được, bởi ta hiểu rằng tâm hồn dân gian Việt phần nào ưa sự đơn giản hoá vấn đề. Đó là điều khó khăn cho các nhà nghiên cứu khi muốn đi sâu vào bản chất sự việc. Trở lại vấn đề lễ hội, chúng ta tìm được cội rễ sâu xa của nhu cầu này có nguồn gốc từ nông nghiệp. Kinh tế nông nghiệp gắn nhiều với mối "ứng xử" giữa trời và đất. Trời chính là nguồn sinh lực vũ trụ vô biên đại diện cho dương, cho cha, "dòng sông sinh lực" ấy có tràn vào lòng "bà mẹ thế gian" thì mọi giống loài mới phát triển và sinh sôi nảy nở được. Người ta đã lấy màu đỏ để tượng trưng cho trời, màu của sinh khí, gốc của sự sống trên trái đất này. Vì thế, trật tự trong lễ hội phải có quy chuẩn, một ví dụ như: Cờ hội của thần phải màu đỏ, rồi đến các cờ về âm dương, ngũ hành, ngũ phương, và khi đặt ở đâu thì phải đúng ở đấy.

Tự trung lại với lễ hội, chúng ta phải hiểu chứ không chỉ dừng lại ở biết một cách đại khái là có thể làm được, bởi một khi làm sai, có nghĩa là đã làm méo mó lịch sử và hiểu sai bản chất văn hoá dân tộc, làm sai tinh thần của Nghị quyết Trung ương V, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII.

Hiện nay, còn nảy sinh một vấn đề khác nữa là, trong dòng chảy văn hoá chung, chúng ta cần phải đề cao và tôn trọng dòng văn hoá nghệ thuật có tính hiện đại chính thống, song thực tế trong xã hội, không bao giờ văn hoá chỉ chảy theo một dòng, mà hiện nay, dòng văn hoá xưa kia, dòng văn hoá truyền thống vẫn như một mạch nguồn bất tận, không vơi cạn, vẫn đang âm thầm chảy trong xã hội chúng ta. Nó vẫn có vai trò quan trọng đối với một bộ phận đông đảo quần chúng. Cho nên, thực tế không thể xoá bỏ dòng chảy văn hoá truyền thống được, bởi nếu xoá bỏ sẽ gây ra một cuộc khủng hoảng khá lớn. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, nhiều người chúng ta lầm lẫn về tín ngưỡng, về mê tín dị đoan với tự do tín ngưỡng, dẫn tới xoá bỏ rất nhiều di sản văn

hoá vật thể! Hoàn cảnh cho phép lúc ấy chưa gây nên sự "lộn xộn" nào. Nhưng, từ khi hoà bình lập lại, đặc biệt là khi đời sống của nhân dân được nâng cao hơn, những nhu cầu cơ bản như ăn, mặc, ở, đi lại không còn được đặt ra một cách thiết yếu nữa, đó cũng là lúc người ta quay lại lục vấn tinh thần, và ở nhiều nhóm người đã có một sự hụt hẫng nảy sinh. Trạng thái hụt hẫng tinh thần ấy là nền tảng, bệ đỡ cho "chủ nghĩa tiên tri"! Một hệ quả như: Vào năm 1994, ở thị xã Hà Tĩnh có hiện tượng nhiều phụ nữ từ 19 đến 72 tuổi, lột sạch, đốt sạch quần áo đang mặc, đó là một biểu hiện của sự mất cân bằng rất lớn trong đời sống tinh thần, họ muốn xoá bỏ tất cả những gì ràng buộc để đi tìm những giá trị tự coi là tốt đẹp hơn; cực đoan hơn đã diễn ra ở Sơn La, cả một làng đập đầu tự tử với khao khát đi tìm những giá trị mới ở một thế giới khác. Hành động tương tự không chỉ diễn ra ở nước ta, mà ngay lúc đó, cả ở Mỹ, 39 thanh niên cũng đã tự tử tập thể. Đây không phải là vấn đề thuộc về sự tốt đẹp hay không của chế độ xã hội, mà đó là một biểu hiện cực đoan của sự khủng hoảng tinh thần. Điều này còn thể hiện rất rõ trong lịch sử nước ta, như hiện tượng các ông Đạo ở Nam Bộ. Song, suy cho cùng các hiện tượng như trên chẳng qua chỉ là một biểu hiện của sự khủng hoảng trên con đường phát triển. Và, xu thế từ chính sách mở cửa, đã đặt vấn đề tự do tín ngưỡng một cách thực sự đối với toàn dân, khiến cho nhu cầu về tinh thần cũng thực sự được giải quyết, tránh được sự hụt hẫng, xã hội trở nên yên ả hơn. Các lễ hội hiện nay đang được mở lại đã đáp ứng được nhu cầu của nhiều người. Song, rõ ràng, cần phải lấy trí tuệ để ứng xử với quá khứ, phải hiểu biết sâu sắc hơn về những "mã" đã lập của tổ tiên để giải quyết mọi vấn đề văn hoá cổ truyền, không thể chủ quan áp đặt, cũng có nghĩa là phải nghiên cứu cho đến nơi đến chốn. Có như vậy mới có thể tránh được sai lầm. Trong lĩnh vực văn hoá này, cũng chính là một con đường của chúng ta đi hiện nay. Không thể chấp nhận một thái độ dễ dãi, lối ứng xử tùy tiện đối với các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta./